

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT

TRẦN CAO THÀNH

**KHẮC PHỤC NHỮNG BẤT ĐỒNG VỀ
NHÃN HIỆU VÀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ KHI
HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG
(TRANS-PACIFIC PARTNERSHIP AGREEMENT-TPP)
ĐƯỢC VẬN HÀNH**

Chuyên ngành: **Luật Kinh tế**

Mã số: 60 38 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

Thừa Thiên Huế, năm 2016

Công trình được hoàn thành tại Trường Đại học Luật – Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: **PGS.TS. Trần Văn Hải**

Phản biện 1:.....

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm luận văn thạc sĩ
họp tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng.....năm.....

PHẦN MỞ ĐẦU

1. Lý do nghiên cứu

Thế giới hiện nay là một thế giới phẳng - Nơi mà nền kinh tế của một quốc gia phụ thuộc rất nhiều vào nền kinh tế của các quốc gia khác trên thế giới. Cuộc khủng hoảng tiền tệ năm 1997 tại Thái Lan và khủng hoảng nợ công năm 2010 tại Hy Lạp là hai minh chứng sống cho nhận định trên. Do đó, xu thế hợp tác phát triển kinh tế, mở cửa thị trường, hội nhập sâu rộng vào nền kinh tế thế giới đối với Việt Nam đã, đang và sẽ là nhu cầu bức thiết.

Năm 2007, Việt Nam chính thức tham gia vào Tổ chức Thương mại Thế giới - WTO. Với việc hội nhập kinh tế trên nhiều lĩnh vực như thương mại hàng hóa, thương mại dịch vụ, sở hữu trí tuệ, đầu tư với 150 quốc gia tại thời điểm đó (hiện nay là 162 quốc gia) đã tạo bước tiến quan trọng trong chính sách đối ngoại kinh tế, mở ra một thời đại mới cho nền kinh tế Việt Nam - Thời đại hội nhập kinh tế cùng phát triển. Cơ hội nhiều, thách thức lại càng lớn, trong gần 10 năm qua Việt Nam đã dần thích nghi với thị trường kinh tế lớn nhất hành tinh này. Tuy nhiên, xét cho cùng, việc gia nhập WTO vẫn là chưa đủ khi mà nền kinh tế Việt Nam còn cần những điều kiện để phát triển hơn nữa, hội nhập sâu, rộng hơn nữa vào nền kinh tế Thế giới.

Để đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp trong nước nói riêng và nền kinh tế nói chung, Chính phủ Việt Nam đã tích cực tham gia đàm phán và ký kết nhiều Hiệp định thương mại tự do (FTA). Các FTA đã thực sự cho thấy vai trò to lớn của mình trong việc thúc đẩy nền kinh tế của các quốc gia và toàn cầu phát triển mạnh mẽ và trở thành một xu thế.

Trong nhiều lĩnh vực, sở hữu trí tuệ (SHTT) đang là một lĩnh vực mà các quốc gia đặc biệt quan tâm. SHTT đã trở thành công cụ quan trọng để thúc đẩy tăng trưởng kinh tế, khẳng định vai trò không thể thiếu trong quá trình hình thành một nền kinh tế toàn diện, bền vững. Đối với Việt Nam, kinh tế tri thức chiếm tỷ trọng ngày càng cao trong cơ cấu nền kinh tế. Bản Chiến lược Châu Âu 2020 được Hội đồng Châu Âu thông qua cũng đã nhấn mạnh rằng *"Kiến thức và đổi mới là động lực cho sự tăng trưởng của Việt Nam"*. SHTT là điều thiết yếu trong chiến lược này vì nó cho phép các doanh nghiệp, cá nhân hưởng lợi từ sự sáng tạo trí tuệ và tạo ra động lực đầu tư vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển. Do đó, việc bảo hộ SHTT đang là vấn đề được quan tâm hàng đầu của Việt Nam. Trong khuôn khổ WTO, Việt Nam đã tham gia Hiệp định về các khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền SHTT (TRIPs). Ngoài TRIPs Việt Nam còn tham gia nhiều điều ước quốc tế khác nhau liên quan đến từng đối tượng SHTT đã được thông qua trong khuôn khổ Tổ chức SHTT Thế giới (WIPO).

Đặc biệt, tháng 11.2010, Việt Nam tham gia đàm phán Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương - TPP với tư cách là thành viên chính thức. TPP là một hiệp định thương mại tự do nhiều bên, được ký kết nhằm mục đích thiết lập một mặt bằng thương mại tự do chung cho các nước khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Trải qua gần 5 năm tiến hành nhiều phiên đàm phán, ngày 04.02.2016, Bộ trưởng phụ trách thương mại của 12 quốc gia đã chính thức ký kết để xác thực lời văn Hiệp định TPP tại Aucland, New Zealand. Với tham vọng thông qua TPP, các nước lớn như Hoa Kỳ, Canada, Mexico, Nhật Bản, Singapore, Australia sẽ tăng cường mức độ bảo hộ quyền SHTT đối với sáng chế, quyền tác giả, nhãn hiệu hàng hóa,...tại các

nước thành viên. Từ đó tạo nên một sân chơi mà những nước có nền thực thi quyền SHTT yếu (trong đó có Việt Nam) sẽ đứng trước những nguy cơ gia tăng các hành vi vi phạm quyền SHTT, đặc biệt với nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý (CDĐL), bộc lộ những bất đồng trong các quy định của pháp luật Việt Nam so với các quy định của TPP, tăng giá thành một số hàng hóa, đặc biệt là dược phẩm và nông sản.

Đứng trước những nguy cơ trên, việc nghiên cứu tìm ra những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi Hiệp định TPP được vận hành là một yêu cầu cấp thiết nhằm đưa ra các giải pháp hạn chế đến mức thấp nhất những bất đồng đó. Thời gian qua, đã có nhiều chuyên gia nghiên cứu về TPP tiếp cận dưới dạng khảo sát, đánh giá những cơ hội và thách thức, những thuận lợi và khó khăn, những rào cản khi Việt Nam tham gia TPP. Chưa có công trình nào giải mã được vấn đề nếu TPP được vận hành thì nó sẽ có những bất đồng gì về nhãn hiệu và CDĐL so với quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam, những bất đồng đó sẽ tác động như thế nào đến nền kinh tế Việt Nam. Như vậy, nếu các công trình được công bố trước đây về TPP là nghiên cứu ở giai đoạn chuẩn bị cho Việt Nam gia nhập, thì với Luận văn này, tác giả mong muốn đóng góp vào quá trình nghiên cứu giai đoạn khi TPP được vận hành tại Việt Nam.

Xuất phát từ những lý do vừa phân tích, tác giả chọn đề tài: *Khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (Trans-Pacific Partnership Agreement - TPP) được vận hành* làm luận văn Thạc sĩ chuyên ngành Luật Kinh tế.

Đề tài này sẽ mang lại những ý nghĩa thiết thực cho khoa học và thực tiễn, cụ thể:

- Về mặt khoa học: Đề tài bổ sung thêm nguồn nghiên cứu khoa học trong hệ thống các công trình đã công bố liên quan đến TPP. Giúp người học hiểu được những quy định về SHTT trong TPP, đặc biệt là các quy định về nhãn hiệu và CDĐL. Chỉ ra những bất đồng trong các quy định về nhãn hiệu và CDĐL khi so sánh với pháp luật SHTT của Việt Nam, từ đó đưa ra các giải pháp để khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành, đưa ra những kiến nghị nhằm hoàn thiện các quy định của pháp luật về nhãn hiệu và CDĐL của Việt Nam trong thời gian tới nhằm hạn chế thấp nhất những bất đồng khi TPP được vận hành.

- Về mặt thực tiễn: Đề tài sẽ rà soát lại toàn bộ hệ thống pháp luật SHTT của Việt Nam, nêu lên những điểm bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL của pháp luật Việt Nam so với các quy định trong TPP. Thông qua các giải pháp khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL, góp phần hạn chế đến mức tối đa những bất đồng, giảm thiểu đến mức thấp nhất những thiệt hại về kinh tế khi Việt Nam thực thi TPP, tạo điều kiện thuận lợi để thúc đẩy nền kinh tế phát triển.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Thời gian qua, đã có nhiều công trình nghiên cứu chuyên sâu về TPP dưới góc độ kinh tế và luật học. Qua quá trình nghiên cứu, tìm hiểu tác giả xin đề cập một số công trình nghiên cứu sau:

2.1. Một số công trình nghiên cứu trong nước

- Tài liệu bài giảng của tiến sĩ luật học (LSE, London) Lê Nết (2006), *Quyền sở hữu trí tuệ*, NXB Đại học Quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

- Công trình nghiên cứu của PGS.TS. Trần Văn Hải về “*Khắc phục một số rào cản về sở hữu trí tuệ mà các doanh nghiệp Việt Nam*

sẽ gặp khi TPP được vận hành” đăng trên Tạp chí Thương hiệu Việt năm 2016.

- Sách chuyên khảo của TS. Lê Thị Thu Hà (2011), *Bảo hộ chỉ dẫn địa lý của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, NXB Thông tin và Truyền thông, Hà Nội.

- Đề tài luận văn thạc sĩ luật học chuyên ngành Luật Kinh tế của tác giả Trần Văn Hải về *"Giải pháp khắc phục những rào cản về sở hữu trí tuệ đối với Việt Nam khi tham gia Hiệp định Đối tác Kinh tế Chiến lược xuyên Thái Bình Dương - TPP"*.

- Kỷ yếu hội thảo khoa học *"Cơ hội và thách thức về sở hữu trí tuệ khi Việt Nam tham gia thương mại quốc tế"*, do Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức tháng 12.2015. Trong kỷ yếu này có nhiều bài viết chất lượng chuyên môn cao của các tác giả xoay quanh TPP như TS. Lê Thị Thu Hà *"Kiểm soát chỉ dẫn địa lý ở Việt Nam trong bối cảnh thực thi hiệp định Thương mại tự do Việt Nam - EU: Nghiên cứu trường hợp của nước mắt Phú Quốc"*; Th.S Hoàng Lan Hương *"Chuyển giao quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu - những vấn đề đặt ra đối với Việt Nam khi tham gia thương mại quốc tế"*.

Ngoài ra còn có các bài viết nghiên cứu TPP về SHTT được đăng trong kỷ yếu *"Hội nghị khoa học sinh viên về sở hữu trí tuệ"* nhân ngày Sở hữu trí tuệ thế giới 26.4.2016 do Cục Sở hữu trí tuệ Việt Nam phối hợp với Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Hà Nội tổ chức ngày 23.5.2016, các nghiên cứu dưới góc độ kinh tế học và luật học được đăng trong Kỷ yếu hội thảo khoa học quốc gia *"Kinh tế - Xã hội Việt Nam năm 2015, cơ hội và thách thức trước thềm hội nhập mới"* được tổ chức bởi Ban kinh tế

Trung ương phối hợp với trường Đại học Kinh tế quốc dân, NXB Đại học Kinh tế quốc dân xuất bản 2016.

2.2. Một số công trình nghiên cứu nước ngoài

- Sách chuyên khảo của Trung tâm Thương mại quốc tế (ITC) (2009), *Guide to Geographical Indications*. Tác phẩm gồm 8 chương nghiên cứu chuyên sâu các thuật ngữ và cơ sở lý luận của CDDL.

- Đề tài nghiên cứu của TS. Vũ Trọng Bình và Đào Đức Huân (2006), *Geographical Indication and Appellation of Origin in VietNam: Reality, Policy, and Perspective*, Viện Chính sách và Chiến lược Phát triển nông nghiệp nông thôn Việt Nam.

Ngoài ra, còn có Tài liệu của WIPO (2009), *EU system for Geographical Indications for agricultural products and foodstuffs*. Tài liệu này giới thiệu hệ thống bảo hộ CDDL của Liên minh châu Âu dành riêng cho hàng hóa và thực phẩm nông sản.

2.3. Đánh giá các công trình nghiên cứu

Cần thấy rằng, tại Việt Nam, nhãn hiệu và CDDL hiện nay đã quá quen thuộc với người dân nói chung và những người nghiên cứu lập pháp nói riêng. Trong 5 năm trở lại đây, khi Việt Nam tham gia đàm phán chính thức TPP đã có rất nhiều học giả nghiên cứu chuyên sâu về TPP, về SHTT và về nhãn hiệu, CDDL. Qua khảo sát những công trình nghiên cứu về TPP được công bố gần đây chỉ dừng lại ở mức độ đánh giá những cơ hội và thách thức của Việt Nam khi gia nhập TPP, khi mà Việt Nam vẫn đang trong quá trình đàm phán với 11 quốc gia còn lại, do đó các số liệu đã công bố phần nào mất đi tính thời sự. Hiện nay, Việt Nam đã chính thức tham gia TPP, do đó cần có một công trình nghiên cứu dưới góc độ tìm ra những bất đồng về nhãn hiệu và CDDL khi TPP được vận hành nhằm đưa ra các giải pháp khắc phục những bất đồng đó.

Đối với các công trình đã công bố ở nước ngoài, rất nhiều các tác phẩm nghiên cứu chuyên sâu và toàn diện về nhãn hiệu và CDĐL Song, đối với Việt Nam thì khả năng áp dụng kinh nghiệm thực tiễn từ các nghiên cứu đó không khả thi do sự khác biệt chủ yếu về pháp luật và các điều kiện khác.

Từ những phân tích trên đây, tác giả nhận thức được những thuận lợi nhất định khi thực hiện đề tài này nhờ vào những tài liệu mà các công trình đã công bố trước đó. Đồng thời có căn cứ để so sánh, đối chiếu hệ thống quy định của các quốc gia trên thế giới nói chung và thành viên trong TPP nói riêng để tìm ra những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL. Từ đó kiến nghị các giải pháp hoàn thiện hiệu quả.

3. Mục tiêu và nhiệm vụ nghiên cứu

3.1. Mục tiêu nghiên cứu

Luận văn đề ra mục tiêu nghiên cứu tìm ra các giải pháp nhằm khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi Hiệp định TPP được vận hành tại Việt Nam.

3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu

Để đạt được mục tiêu chung đã nêu, Luận văn đặt ra các nhiệm vụ nghiên cứu sau:

- Phân tích cơ sở lý luận về các khái niệm và thuật ngữ có liên quan đến chủ đề nghiên cứu của Luận văn, bao gồm nhãn hiệu, CDĐL trong quy định của pháp luật Việt Nam và trong quy định của TPP, bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL;

- Khảo sát hệ thống các quy định của pháp luật Việt Nam về nhãn hiệu và CDĐL, so sánh các quy định đó với quy định của TPP và pháp luật của một số quốc gia thành viên TPP, tìm ra những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành tại Việt Nam, phân tích tác động của những bất đồng này khi Việt Nam thực thi TPP trong

thời gian tới;

- Đề ra các giải pháp nhằm khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành tại Việt Nam, hài hòa hóa các quy định về nhãn hiệu và CDĐL trong pháp luật Việt Nam để giảm thiểu những tác động do bất đồng này gây nên.

4. Đối tượng nghiên cứu

Luận văn nghiên cứu các vấn đề liên quan đến nhãn hiệu và CDĐL được quy định trong TPP, trong pháp luật Việt Nam để tìm ra những điểm bất đồng, từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi Hiệp định TPP được vận hành tại Việt Nam.

5. Phạm vi nghiên cứu

- Phạm vi về thời gian:

+ Các văn bản quy phạm pháp luật của Việt Nam được ban hành trong giai đoạn 2005-2016;

+ Các văn bản được ban hành từ 2008 đến 2.2016 (quá trình đàm phán và ký kết TPP).

- Phạm vi về không gian: các quốc gia tham gia đàm phán TPP.

6. Câu hỏi nghiên cứu

Để hoàn thành Luận văn này, cần làm rõ câu trả lời của các câu hỏi sau:

- Có những bất đồng nào về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành tại Việt Nam?

- Cần tiến hành những giải pháp nào để khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành tại Việt Nam?

7. Giả thuyết nghiên cứu

- Những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành tại Việt Nam bao gồm:

+ Bất đồng về nhãn hiệu: bất đồng về dấu hiệu được đăng ký là nhãn hiệu, bất đồng về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng (li - xăng), bất đồng về quy định hệ thống nhãn hiệu điện tử, bất đồng về phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, bất đồng về thực thi quyền SHTT đối với nhãn hiệu.

+ Bất đồng về chỉ dẫn địa lý: bất đồng về công nhận CDĐL, bất đồng về thực thi quyền SHTT đối với CDĐL.

- Những giải pháp để khắc phục những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành tại Việt Nam bao gồm:

+ Giải pháp khắc phục bất đồng về nhãn hiệu: giải pháp khắc phục bất đồng về dấu hiệu được đăng ký là nhãn hiệu, giải pháp khắc phục bất đồng về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu (li - xăng), giải pháp khắc phục bất đồng về quy định hệ thống nhãn hiệu điện tử, giải pháp khắc phục bất đồng về phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, giải pháp khắc phục việc thực thi quyền SHTT đối với nhãn hiệu.

+ Giải pháp khắc phục bất đồng về chỉ dẫn địa lý: giải pháp khắc phục về công nhận CDĐL, giải pháp khắc phục việc thực thi quyền SHTT đối với CDĐL.

8. Phương pháp nghiên cứu

Các phương pháp nghiên cứu được sử dụng trong Luận văn bao gồm:

- Phương pháp phân tích tài liệu: tác giả sử dụng tài liệu, bao gồm bài báo khoa học, sách chuyên khảo... đã được công bố, có liên quan đến đề tài Luận văn, trong đó có kế thừa những nghiên cứu đã công bố;

- Phương pháp phân tích, đánh giá được sử dụng trong chương 1 giới thiệu tổng quan về những khía cạnh liên quan đến thương mại của quyền sở hữu trí tuệ theo pháp luật Việt Nam và quy định của TPP, trong có nhấn mạnh đến 2 đối tượng là nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý;

- Phương pháp phân tích so sánh, phương pháp phân tích thông tin, phương pháp tổng hợp để hoàn thành chương 2 nhằm phân tích những khác biệt về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý theo quy định của pháp luật Việt Nam và TPP;

- Phương pháp phân tích so sánh, phương pháp tổng hợp, phương pháp mô hình giả định để hoàn thành chương 3 nhằm đưa ra những giải pháp hoàn thiện vấn đề cần nghiên cứu cả về góc độ lý luận và thực tiễn.

9. Kết cấu của Luận văn

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo, phụ lục, nội dung của Luận văn được chia thành 3 chương:

- Chương 1. Khái quát về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý trong pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam và Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP).

- Chương 2. Những bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được vận hành.

- Chương 3. Giải pháp khắc phục những bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) được vận hành.

CHƯƠNG 1.

KHÁI QUÁT VỀ NHÃN HIỆU VÀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ TRONG PHÁP LUẬT SỞ HỮU TRÍ TUỆ VIỆT NAM VÀ HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP)

1.1. Một số khái niệm chung về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

Trong mục này, tác giả đã đề cập đến một số khái niệm liên quan đến đề tài, bao gồm các khái niệm: Sở hữu trí tuệ, quyền SHTT, SHCN, nhãn hiệu và CDĐL.

1.2. Vai trò của nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý trong việc phát triển kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện Hiệp định TPP

Trong mục này, tác giả đã chỉ ra vai trò của nhãn hiệu và CDĐL trong việc phát triển kinh tế xã hội, hội nhập kinh tế quốc tế và thực hiện Hiệp định TPP.

1.3. Quá trình đàm phán hiệp định TPP về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

Trong mục này, tác giả đã khái quát quá trình đàm phán hiệp định TPP về nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý.

1.4. Những điểm tương đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định TPP được vận hành

Trong mục này, tác giả đã chỉ ra và phân tích những điểm tương đồng về nhãn hiệu và CDĐL giữa quy định của pháp luật Việt Nam và quy định của TPP. Kết quả cho thấy quy định về bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL giữa Việt Nam và TPP cũng có những nét tương đồng nhất định.

- *Về nhãn hiệu:* tương đồng trong quy định về các dấu hiệu giống hoặc tương tự của nhãn hiệu, tương đồng về cách thức xác lập nhãn hiệu nổi tiếng, tương đồng về thời hạn bảo hộ đối với nhãn hiệu.

- *Về chỉ dẫn địa lý*: tương đồng về căn cứ không công nhận chỉ dẫn địa lý, tương đồng về các chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với chỉ dẫn địa lý.

CHƯƠNG 2.

NHỮNG BẤT ĐỒNG VỀ BẢO HỘ NHÃN HIỆU VÀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ KHI HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYÊN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP) ĐƯỢC VẬN HÀNH

2.1. Những điểm bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định TPP được vận hành

Trong mục này, trên cơ sở làm rõ quan hệ thương mại giữa Hoa Kỳ với các quốc gia trong TPP và quan hệ thương mại giữa Việt Nam với các quốc gia trong TPP, tác giả đã chỉ ra và phân tích làm rõ những điểm bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL khi Hiệp định TPP được vận hành.

2.1.1. Những điểm bất đồng giữa pháp luật Việt Nam và Hiệp định TPP về bảo hộ nhãn hiệu

Những điểm bất đồng giữa pháp luật Việt Nam và Hiệp định TPP về bảo hộ nhãn hiệu được thể hiện ở các điểm sau đây:

Thứ nhất, bất đồng về dấu hiệu được đăng ký là nhãn hiệu

Việt Nam quy định chỉ bảo hộ nhãn hiệu nhìn thấy, TPP lại quy định bảo hộ nhãn hiệu không nhìn thấy như nhãn hiệu âm thanh và nhãn hiệu mùi.

Thứ hai, bất đồng về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng (li - xăng)

Pháp luật Việt Nam bắt buộc các hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu đều phải đăng ký với cơ quan quản lý nhà nước thì

mới phát sinh hiệu lực. Ngược lại, TPP quy định không bắt buộc phải đăng ký tại bất cứ bên nào.

Thứ ba, bất đồng về quy định hệ thống nhãn hiệu điện tử

Hiệp định TPP quy định cụ thể về hệ thống đăng ký nhãn hiệu điện tử trong khi pháp luật Việt Nam chưa quy định về vấn đề này.

Thứ tư, bất đồng về phạm vi bảo hộ nhãn hiệu

Việt Nam quy định bảo hộ nhãn hiệu đối với các nhãn hiệu thuần túy còn TPP lại mở rộng phạm vi bảo hộ nhãn hiệu đối với các dấu hiệu có thể dùng làm CDĐL.

Thứ năm, bất đồng về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu

Bất đồng về thực thi quyền SHTT đối với nhãn hiệu được thể hiện ở các điểm sau: bất đồng về tình trạng xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu, bất đồng về khả năng thẩm định và bảo hộ đối với nhãn hiệu, bất đồng về khả năng thực thi các chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu.

2.1.2. Những điểm bất đồng giữa pháp luật Việt Nam và Hiệp định TPP về bảo hộ chỉ dẫn địa lý

Những điểm bất đồng giữa pháp luật Việt Nam và Hiệp định TPP về bảo hộ CDĐL được thể hiện ở các điểm sau đây:

Thứ nhất, bất đồng về công nhận chỉ dẫn địa lý

Thứ hai, bất đồng về thực thi quyền sở hữu trí tuệ đối với chỉ dẫn địa lý

2.2. Những điểm bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý giữa Việt Nam và một số quốc gia thành viên TPP

Trong mục này, tác giả đã so sánh quy định về bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL giữa Việt Nam với Hoa Kỳ và Nhật Bản. Từ đó, chỉ ra những điểm bất đồng trong quy định giữa Việt Nam và hai quốc gia

có tầm ảnh hưởng lớn trong TPP để chúng ta có cái nhìn toàn diện hơn về những bất đồng giữa Việt Nam và TPP.

2.2.1. So sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật Hoa Kỳ về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

- Những điểm tương đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật Hoa Kỳ về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý bao gồm:

Về bảo hộ nhãn hiệu: tương đồng trong phân loại nhãn hiệu, tương đồng về điều kiện bảo hộ nhãn hiệu, tương đồng về các dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu, tương đồng trong việc định nghĩa về nhãn hiệu, nhãn hiệu chứng nhận, nhãn hiệu tập thể.

Về bảo hộ chỉ dẫn địa lý: Việt Nam bảo hộ chỉ dẫn địa lý nhưng Hoa Kỳ thì không, thay vào đó, Hoa Kỳ có một hệ thống bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận chỉ dẫn địa lý.

- Những điểm bất đồng giữa pháp luật Việt Nam với pháp luật Hoa Kỳ về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

Về bảo hộ nhãn hiệu:

Thứ nhất, Hoa Kỳ bảo hộ các nhãn hiệu không nhìn thấy như nhãn hiệu âm thanh và nhãn hiệu mùi hương, còn Việt Nam chỉ bảo hộ các nhãn hiệu nhìn thấy.

Thứ hai, bất đồng về khả năng phân biệt của nhãn hiệu.

Thứ ba, bất đồng về tiêu chí đánh giá nhãn hiệu nổi tiếng.

Thứ tư, bất đồng về nguyên tắc bảo hộ.

Thứ năm, bất đồng về cách thức nộp đơn.

Về bảo hộ chỉ dẫn địa lý: Hoa Kỳ không bảo hộ chỉ dẫn địa lý.

2.2.2. So sánh pháp luật Việt Nam với pháp luật Nhật Bản về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý

Trong mục này tác giả đã so sánh một số quy định giữa pháp luật Việt Nam với quy định của pháp luật Nhật Bản về nhãn hiệu và CDĐL.

CHƯƠNG 3.

GIẢI PHÁP KHẮC PHỤC NHỮNG BẤT ĐỒNG VỀ BẢO HỘ NHÃN HIỆU VÀ CHỈ DẪN ĐỊA LÝ KHI HIỆP ĐỊNH ĐỐI TÁC XUYỀN THÁI BÌNH DƯƠNG (TPP) ĐƯỢC VẬN HÀNH

3.1. Quan điểm chung về giải pháp khắc phục những bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định TPP được vận hành

Trong mục này, tác giả đã đưa ra quan điểm chung về giải pháp khắc phục những bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL khi Hiệp định TPP được vận hành bao gồm: quan điểm về nhận thức, quan điểm về pháp luật, quan điểm về chính sách nhà nước.

3.2. Nhu cầu khắc phục những bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định TPP được vận hành

Trong mục này, tác giả đề cập đến nhu cầu khắc phục những bất đồng về bảo hộ nhãn hiệu và CDĐL khi Hiệp định TPP được vận hành, trong đó đề cập đến nhu cầu của ba đối tượng: (1) các doanh nghiệp, (2) người tiêu dùng và (3) nền kinh tế.

3.3. Những giải pháp hoàn thiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định TPP được vận hành

3.3.1. Giải pháp khắc phục bất đồng về dấu hiệu được đăng ký là nhãn hiệu

Đề phù hợp với quy định của TPP, Điều 72.1 Luật SHTT 2005 nên quy định lại như sau: "*bất kỳ một dấu hiệu hoặc một tổ hợp các dấu hiệu nào, có khả năng phân biệt hàng hóa hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp với hàng hóa hoặc dịch vụ của doanh nghiệp khác đều có thể làm nhãn hiệu*".

Như vậy, nếu quy định theo hướng này thì pháp luật Việt Nam sẽ cho phép đăng ký bảo hộ những nhãn hiệu không nhìn thấy như âm thanh, mùi, vị miễn là dấu hiệu đó có thể phân biệt được hàng hóa, dịch vụ giữa các doanh nghiệp với nhau.

Trong nội dung này, tác giả thiết nghĩ chúng ta nên học tập Hoa Kỳ kinh nghiệm trong việc xác định tiêu chí làm căn cứ xác lập bảo hộ đối với nhãn hiệu âm thanh và nhãn hiệu mùi hương, cụ thể:

Thứ nhất, tiêu chí làm căn cứ xác lập bảo hộ đối với nhãn hiệu âm thanh: nhãn hiệu âm thanh muốn được bảo hộ phải đáp ứng được ba tiêu chí sau đây:

Một là, dấu hiệu âm thanh phải được thể hiện rõ ràng trong đơn đăng ký.

Hai là, dấu hiệu âm thanh được nêu trong đơn phải có khả năng phân biệt hoặc đã đạt được khả năng phân biệt (secondary meaning).

Ba là, dấu hiệu âm thanh không mang tính chức năng (functionality).

Thứ hai, tiêu chí làm căn cứ xác lập bảo hộ đối với nhãn hiệu mùi hương: nhãn hiệu mùi hương muốn được bảo hộ phải đáp ứng được hai tiêu chí sau đây:

Một là, dấu hiệu mùi hương phải được thể hiện rõ ràng trong đơn đăng ký.

Hai là, dấu hiệu mùi hương phải có tính phân biệt và không mang tính chức năng.

3.3.2. Giải pháp khắc phục bất đồng về hợp đồng chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu (li - xăng)

Điều 148, Luật SHTT 2005 nên loại bỏ Khoản 1 và Khoản 2 mà chỉ giữ lại Khoản 3. Cách quy định này sẽ buộc các chủ thể khi tham gia vào quan hệ chuyển giao quyền sử dụng nhãn hiệu sẽ phải cẩn trọng hơn trong việc giao kết các hợp đồng để tránh tình trạng tranh chấp hoặc bị thua kiện khi ra tòa.

3.3.3. Giải pháp khắc phục bất đồng về quy định hệ thống nhãn hiệu điện tử

Theo đề xuất của tác giả thì Việt Nam nên học hỏi mô hình đăng ký nhãn hiệu điện tử TEAS của Cơ quan sáng chế và nhãn hiệu Liên bang Mỹ USPTO (United States Patent and Trademark Office). Đây là hệ thống đăng ký nhãn hiệu qua internet hiện đại bậc nhất đồng thời nó chắc chắn sẽ phù hợp với TPP và các quốc gia thành viên TPP khác bởi vì tầm ảnh hưởng của Hoa Kỳ đối với TPP là rất lớn. Sau khi đã xây dựng được hệ thống đăng ký nhãn hiệu điện tử, Việt Nam cần xây dựng những quy định cụ thể, chắc chắn về đăng ký nhãn hiệu điện tử và xây dựng một quy trình chi tiết về cách thức nộp đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu điện tử và cách thức thanh toán các loại phí và lệ phí (thông thường sẽ thanh toán qua tài khoản ngân hàng).

3.3.4. Giải pháp khắc phục bất đồng về phạm vi bảo hộ nhãn hiệu

Để thích nghi được với quá trình hội nhập quốc tế Việt Nam cần phải điều chỉnh một số quy định của nội luật cho phù hợp. Trong số đó cần phải khắc phục bất đồng về phạm vi bảo hộ nhãn hiệu, cụ thể chúng ta cần quy định song song hai hình thức bảo hộ đối với CDĐL: một là bảo hộ CDĐL hiện có; hai là bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận CDĐL.

Về bảo hộ CDĐL thuần túy: CDĐL vốn là ưu điểm của Việt Nam - Một đất nước có nhiều đặc sản địa phương. Tuy nhiên, để các CDĐL của Việt Nam đến được với bạn bè quốc tế thì đòi hỏi chúng ta phải nâng cao chất lượng của các sản phẩm, dịch vụ hơn nữa. Bởi lẽ trong bản đồ các CDĐL nổi tiếng trên thế giới thì các CDĐL của Việt Nam không hề được đề cập đến. Do đó, trong thời gian tới các doanh nghiệp và chính phủ Việt Nam cần xây dựng những quy trình sản xuất các sản phẩm, dịch vụ đáp ứng được yêu cầu nhập khẩu của các thị trường khó tính như Hoa Kỳ, Nhật Bản, EU...để từng bước nâng cao chất lượng các sản phẩm, dịch vụ mang CDĐL của Việt Nam.

Về bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận chi dẫn địa lý: Đối với việc bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận CDĐL vẫn còn khá mới mẻ đối với Việt Nam, tuy nhiên, muốn làm được cũng không phải là khó. Như chúng ta đã biết, ngày 15.11.2006 Thanh long Bình Thuận được Cục SHTT Việt Nam cấp giấy chứng nhận CDĐL "Bình Thuận" đăng bạ số 00006 cho sản phẩm quả thanh long. Ngày 29.11.2011, Cơ quan Sáng chế và Nhãn hiệu Hoa Kỳ (USPTO) đã cấp văn bằng bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận "Thanh long Bình Thuận" với nhãn hiệu được bảo hộ gồm các từ "Bình Thuận", "Dragon Fruit" và hình ảnh quả thanh long, đăng ký số 4061853 cho trái thanh long tươi sản xuất tại

Bình Thuận. Qua dẫn chứng trên, có thể thấy rằng các doanh nghiệp Việt Nam vẫn có khả năng để đăng ký bảo hộ các CDĐL dưới hình thức nhãn hiệu chứng nhận, đặc biệt là tại một thị trường khó tính như Hoa Kỳ. Do đó, thiết nghĩ nếu chúng ta xây dựng một hệ thống bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận CDĐL song song với hệ thống bảo hộ CDĐL hiện tại là hoàn toàn có thể thực hiện được. Cụ thể, trong Luật SHTT của Việt Nam trong thời gian tới khi có sửa đổi, bổ sung thì cần đưa quy định về bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận CDĐL vào hệ thống quy định về bảo hộ SHTT. Đồng thời cũng cần xây dựng quy trình đăng ký bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận CDĐL. Cả hai việc cần làm là bổ sung quy định pháp luật và xây dựng quy trình bảo hộ nhãn hiệu chứng nhận CDĐL Việt Nam đều có thể tham khảo và học hỏi kinh nghiệm từ Hoa Kỳ.

3.3.5. Giải pháp khắc phục về công nhận chỉ dẫn địa lý

Bất đồng về vấn đề công nhận CDĐL chúng ta không khắc phục theo hướng hài hòa hóa quy định của pháp luật trong nước phù hợp với TPP mà cần phải khắc phục theo hướng nâng cao chất lượng các sản phẩm mang CDĐL và nhanh chóng đăng ký bảo hộ các CDĐL của Việt Nam tại các nước thành viên TPP. Cụ thể:

Hướng khắc phục thứ nhất: nâng cao chất lượng các sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý

Hướng khắc phục thứ hai: nhanh chóng đăng ký bảo hộ đối với các hàng hóa dịch vụ mang chỉ dẫn địa lý của Việt Nam

Như vậy, với hai hướng khắc phục như trên thì sẽ khắc phục được bất đồng về vấn đề công nhận CDĐL khi TPP được vận hành.

3.4. Những giải pháp tổ chức thực hiện pháp luật về bảo hộ nhãn hiệu và chỉ dẫn địa lý khi Hiệp định TPP được vận hành

3.4.1. Giải pháp khắc phục việc thực thi quyền SHTT đối với nhãn hiệu

Thứ nhất, giải pháp khắc phục bất đồng về tình trạng xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu

Một là, tuyên truyền, giáo dục các cá nhân, tổ chức nâng cao nhận thức về giá trị tài sản trí tuệ và quyền SHTT, tuân thủ quy định về thực thi quyền SHTT khi TPP được vận hành.

Hai là, xử lý nghiêm các trường hợp xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu để răn đe các chủ thể có ý định xâm phạm.

Thứ hai, khắc phục bất đồng về khả năng thẩm định và bảo hộ đối với nhãn hiệu

Hiện nay, việc thẩm định đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu đang vướng phải rất nhiều khó khăn. Các cán bộ thuộc các cơ quan có thẩm quyền chưa hiểu rõ về các quy định về nhãn hiệu, còn hạn chế về kiến thức và kinh nghiệm trong việc thẩm định các đơn đăng ký nhãn hiệu. Ngoài ra, cần bồi dưỡng chuyên môn cho các cán bộ về thẩm định các đơn đăng ký bảo hộ nhãn hiệu không nhìn thấy bao gồm: nhãn hiệu âm thanh, nhãn hiệu mùi hương, nhãn hiệu vị. Bên cạnh đó, cần đầu tư các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động thẩm định các đơn đăng ký bảo hộ các nhãn hiệu không nhìn thấy như đã kể trên.

Thứ ba, khắc phục bất đồng về khả năng thực thi các chế tài xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với nhãn hiệu

Việc các chế tài không đủ sức răn đe đối với các hành vi xâm phạm quyền SHTT về nhãn hiệu đã phần nào khiến cho các hành vi xâm phạm gia tăng. Do đó, trong thời gian tới khi TPP được vận

hành cần thiết phải áp dụng các biện pháp cứng rắn hơn ngoài biện pháp dân sự và phạt hành chính.

3.4.2. Giải pháp khắc phục việc thực thi quyền đối với chỉ dẫn địa lý

Thứ nhất, nâng cao trình độ nhận thức về chỉ dẫn địa lý của cơ quan quản lý và tổ chức, cá nhân sử dụng

Chỉ dẫn địa lý nếu được khai thác đúng cách sẽ mang lại giá trị kinh tế to lớn, tuy nhiên hiện nay các cá nhân sản xuất hàng hóa mang CDĐL và các doanh nghiệp xuất khẩu các mặt hàng này vẫn chưa nhận thức đúng đắn về giá trị của CDĐL. Do đó, trong thời gian tới cần thiết phải nâng cao nhận thức để các cá nhân, tổ chức ý thức và bảo vệ quyền SHTT đối với CDĐL của mình. Nếu làm tốt công tác này thì những lợi ích kinh tế về CDĐL mang lại sẽ vô cùng to lớn.

Thứ hai, hoàn thiện các quy định của pháp luật và thực hiện triệt để các chế tài xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với CDĐL

Đối với giải pháp này cần thực hiện những nội dung sau:

Một là, cần đơn giản hóa quy trình, thủ tục đăng ký bảo hộ các CDĐL để mọi người dân đọc vào có thể dễ dàng thực hiện đúng các bước nhằm bảo vệ quyền SHTT đối với CDĐL của mình.

Hai là, sớm ban hành mẫu logo CDĐL thống nhất cho tất cả các mặt hàng đã đăng ký bảo hộ thành công.

Ba là, xây dựng và hoàn thiện hệ thống các văn bản pháp lý về kiểm soát chất lượng CDĐL đối với sản phẩm mang CDĐL.

Bốn là, hoàn thiện quy định của pháp luật về các biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền SHTT đối với CDĐL.

Thứ ba, nâng cao vai trò của các tổ chức tập thể (hội, hiệp hội, hợp tác xã) trong việc quản lý các sản phẩm mang CDĐL

Việt Nam cần tham khảo kinh nghiệm của các nước có các CDĐL nổi tiếng cách thức họ xây dựng và phát triển các CDĐL. Kinh nghiệm cho thấy, hầu hết các nước có các CDĐL nổi tiếng thì vai trò của các tổ chức tập thể rất rõ nét. Do đó, trong thời gian tới khi TPP được vận hành đòi hỏi các tổ chức tập thể phải đóng vai trò nòng cốt, xuyên suốt quá trình xây dựng và quản lý CDĐL. Trên thực tế đã có những tổ chức tập thể làm tốt vai trò này, điển hình như trường hợp gạo tám xoan Hải Hậu và vải thiều Thanh Hà.

PHẦN KẾT LUẬN

Hiệp định Đối tác xuyên Thái Bình Dương (TPP) là một hiệp định lịch sử hứa hẹn sẽ có những tác động to lớn đối với nền kinh tế Việt Nam, đặc biệt là những tác động trong lĩnh vực SHTT. Thực thi TPP chỉ còn là vấn đề thời gian, do đó, việc tìm ra những bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL khi TPP được vận hành được xem là một trong những việc làm cấp thiết. Chỉ khi chúng ta khắc phục được những điểm bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL thì khi TPP được vận hành các doanh nghiệp Việt Nam mới có thể tránh khỏi những rủi ro không đáng có. Luận văn đã chỉ ra và phân tích những điểm bất đồng về nhãn hiệu và CDĐL giữa pháp luật Việt Nam và quy định của TPP. Từ đó đưa ra các giải pháp khắc phục những điểm bất đồng nói trên. Để các giải pháp này có thể phát huy tác dụng trên thực tế đòi hỏi phải mất rất nhiều thời gian, tuy nhiên muốn làm được phải có sự phối kết hợp giữa chính phủ, doanh nghiệp và mỗi người dân. Nền SHTT của Việt Nam tuy phát triển chậm hơn so với các nước tiên tiến trên thế giới, đặc biệt là Hoa Kỳ và Nhật Bản trong TPP, song nền SHTT của nước ta đang ngày càng phát triển đòi hỏi phải có một hành lang pháp lý để vừa bảo vệ quyền SHTT hợp pháp của các cá nhân, tổ chức vừa là biện pháp chế tài răn đe các đối tượng có ý định xâm phạm quyền SHTT. Trong thời gian tới, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật để hài hòa hóa pháp luật về SHTT của Việt Nam so với quy định trong TPP là rất cần thiết, song cũng cần lưu ý khả năng đưa các văn bản này vào thực tế. Bởi vì xét cho cùng thì điều kiện về mọi mặt ở Việt Nam không thể bằng các nước phát triển trong TPP, do đó, khi học tập kinh nghiệm từ các quốc gia như Hoa

Kỳ và Nhật Bản cũng cần có chọn lọc sao cho vừa hiệu quả, vừa phù hợp với điều kiện thực tế của Việt Nam.

Đã đến lúc chúng ta phát triển nền kinh tế tri thức thay cho nền kinh tế chân tay, muốn làm được điều này thì đòi hỏi mọi cá nhân, tổ chức phải nỗ lực hơn nữa trong việc sáng tạo và phát triển các sản phẩm trí tuệ. Đồng thời, bảo hộ tốt các sản phẩm trí tuệ của Việt Nam nhất là nhãn hiệu và CDĐL để các sản phẩm này thực sự có giá trị kinh tế cao và mang lại nguồn thu cho Việt Nam.